

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Cuối kỳ VND	Tỷ lệ %	Đầu năm VND	Tỷ lệ %
Vốn góp của Tập đoàn Bru chính Viễn thông Việt Nam	22.100.000.000	27,63%	22.100.000.000	27,63%
Vốn góp của Robert Alexander Stone	9.550.000.000	11,94%	9.550.000.000	11,94%
Cổ phiếu quỹ	2.000.000.000	2,50%	2.000.000.000	2,50%
Vốn góp của các cổ đông khác	46.350.000.000	57,93%	46.350.000.000	57,93%
	80.000.000.000	100%	80.000.000.000	100%

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	6 tháng đầu năm 2015 VND	6 tháng đầu năm 2014 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	80.000.000.000	80.000.000.000
- Vốn góp đầu năm	-	-
- Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
- Vốn góp giảm trong kỳ	80.000.000.000	80.000.000.000
- Vốn góp cuối kỳ		

d) Cổ phiếu

	30/06/2015	01/01/2015
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	8.000.000	8.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	8.000.000	8.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	8.000.000	8.000.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	200.000	200.000
- Cổ phiếu phổ thông	200.000	200.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	7.800.000	7.800.000
- Cổ phiếu phổ thông	7.800.000	7.800.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành:	10.000	10.000

e) Các quỹ của công ty

	30/06/2015 VND	01/01/2015 VND
- Quỹ đầu tư phát triển	11.102.793.163	11.102.793.163
	11.102.793.163	11.102.793.163

20. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	85.527.960.193	6.517.873.015
Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.917.581.734	2.600.037.534
Doanh thu hợp đồng xây dựng	8.983.402.643	11.178.816.024
	97.428.944.570	20.296.726.573

21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	80.582.205.703	6.080.895.909
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	1.594.753.005	1.536.513.666
Giá vốn của hợp đồng xây dựng	8.176.284.103	10.553.672.221
	90.353.242.811	18.171.081.796

22. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.049.877.908	1.215.322.687
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	10.807.000
	1.049.877.908	1.226.129.687

23. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
	VND	VND
Lãi tiền vay	53.705.951	6.280.560
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư tài chính dài hạn	3.980.837	-
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	82.509.792	-
Hoàn nhập giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	-	(622.393.100)
Chi phí tài chính khác	-	2.117.505
	140.196.580	(613.995.035)

24. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
	VND	VND
Chi phí nhân công	1.644.185.909	1.252.990.798
Chi phí khấu hao tài sản cố định	229.048.198	255.825.686
Hoàn nhập dự phòng nợ phải thu khó đòi	(43.004.677)	-
Thuế, phí, và lệ phí	218.532.931	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	336.542.081	256.908.984
Chi phí khác bằng tiền	1.880.395.299	1.409.716.171
	4.265.699.741	3.175.441.639

25. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	3.721.045.645	757.311.133
Các khoản điều chỉnh tăng	29.599.457	41.017.915
- Chi phí không hợp lệ	29.599.457	41.017.915
Các khoản điều chỉnh giảm	(43.004.677)	(10.807.000)
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	(10.807.000)
- Hoàn nhập dự phòng nợ phải thu khó đòi (năm 2014 đã loại trừ khỏi chi phí tính thuế)	(43.004.677)	-
Thu nhập chịu thuế TNDN	3.707.640.425	787.522.048
	815.680.893	173.254.851
Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 22%)		
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	799.776.665	514.731.675
Thuế TNDN đã nộp trong kỳ	(1.356.887.997)	(734.593.842)
	258.569.561	(46.607.316)
Thuế TNDN phải nộp cuối kỳ		

26. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	3.092.770.406	4.974.010.868
Chi phí nhân công	8.377.208.497	5.543.589.076
Chi phí khấu hao tài sản cố định	740.562.859	738.945.179
Chi phí dịch vụ mua ngoài	488.822.793	1.409.374.420
Chi phí khác bằng tiền	3.556.794.082	2.599.707.983
	16.256.158.637	15.265.627.526

27. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	30/06/2015		01/01/2015	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	34.384.646.533	-	2.923.234.127	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	209.255.237.648	(49.515.754.563)	234.774.719.689	(49.558.759.240)
Các khoản cho vay	19.345.575.000	-	20.601.759.888	-
Đầu tư ngắn hạn	7.049.399.699	(5.018.019.942)	7.049.399.699	(4.935.510.150)
Đầu tư dài hạn	8.347.855.110	-	8.847.855.110	-
Cộng	278.382.713.990	(54.533.774.505)	274.196.968.513	(54.494.269.390)

	Giá trị sổ kế toán	
	30/06/2015	01/01/2015
	VND	VND
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	426.000.000	2.396.000.000
Phải trả người bán, phải trả khác	117.140.233.407	97.085.146.598
Chi phí phải trả	4.128.901.739	6.015.337.569
Cộng	121.695.135.146	105.496.484.167

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.